

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 67/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 21 – 11– 2019 .

“Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Kim Triều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc Hào

2. Ông Lê Văn Cao

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Bé Em - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2019/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2019, ngày 12/11/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Hồng N, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Nguyệt Lăng A, xã Bình Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh Nh, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 3, phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 7 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Phan Thị Hồng N trình bày: chị và anh Nh tự quen biết tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới năm 2008 đến ngày 21/3/2011 thì vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Sau ngày cưới chị về làm dâu bên gia đình chồng tại phường 1, thành phố Trà Vinh được khoảng 2 tháng, sau khi mang thai chị và anh Nh về nhà cha mẹ ruột ở ấp Nguyệt Lăng A, xã Bình Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh sống được 2 năm thì cha mẹ chị có cất nhà cho vợ chồng ra ở riêng. Hàng ngày chị ở nhà chăm sóc con lo

cho gia đình, còn anh Nh ra ngoài làm kiếm tiền lo cho gia đình và nuôi con thỉnh thoảng cũng có đưa tiền cho chị, nhưng rất ít không đủ để chị trang trải cuộc sống và nuôi con, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, lời qua tiếng lại xúc phạm lẫn nhau công việc làm ăn, đi lại, sinh hoạt gia đình không tin tưởng nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đến năm 2016 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Nay chị yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Minh Nh.

Về con chung: Nguyễn Phan Hồng Ng, sinh ngày 05/10/2010 chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Minh Nh vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án tại bản khai ngày 29/8/2019 anh Nh trình bày:* Khi kết hôn xong, thời gian đầu chị N ở nhà chăm con được một thời gian, sau đó chị N bỏ nhà đi theo một người đàn ông để lên Sài Gòn sống, khoảng được 1 tháng thì anh gọi con cho cha mẹ vợ chăm sóc để anh lên Sài Gòn tìm vợ, sau 2 tháng ở Sài Gòn thì anh tìm được chị N, nhiều lần năn nỉ chị N mới đồng ý hàn gắn cùng làm để kiếm tiền về quê, sau khi về quê được 4 năm chị N tiếp tục bỏ nhà để đi theo người đàn ông khác, anh cũng lên Sài Gòn năn nỉ nhưng chị N không chịu về, thời gian sau chị N về quê sống nhưng không cho anh vào nhà, anh không nói gì chỉ mong làm có tiền để lo cho con, nhưng đã rất nhiều lần anh điện thoại xin được thăm con nhưng chị N cấm cản. Nhiều lần anh lên nhà phát hiện vợ anh sống cùng một người đàn ông khác.

Nay anh xin chị N suy nghĩ lại việc mình làm và coi như vì con mà hàn gắn lại gia đình, anh không đồng ý ly hôn. Về con chung Nguyễn Phan Hồng Ng đang sống tại ấp Phú Đức 1, về tài sản chung không có và về nợ chung vợ chồng cũng không có nợ ai.

- *Con chung cháu Nguyễn Phan Hồng Ng trình bày:* khi ba và mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu xin được sống cùng mẹ.

Vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử đã chấp hành đúng qui định tại Điều 48, 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Phan Thị Hồng N được ly hôn với anh Nguyễn Minh N. Về con chung Nguyễn Phan Hồng Ng giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu nên không giải quyết, về tài sản chung, nợ chung chị N xác nhận không có và không yêu cầu nên không giải quyết. án phí chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ và vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày của đương sự và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Minh Nh vắng mặt không lý do, căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227, khoản 3; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ đúng pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Thị Hồng N và anh Nguyễn Minh Nh có đăng ký kết hôn được UBND xã Bình Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 55, quyển số 01, ngày 21/3/2011, Căn cứ vào Điều 9, Điều 11 luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân giữa chị Phan Thị Hồng N và anh Nguyễn Minh Nh là hợp pháp.

Xét thấy sau ngày cưới anh Nh, chị N về sống bên gia đình chồng tại Phường 1, thành phố Trà Vinh được 2 tháng thì về quê vợ tại xã Bình Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh sinh sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau một người con Nguyễn Phan Hồng Ng, sinh ngày 05/10/2010, sau khi sinh con kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn do chị N phải ở nhà chăm con nhỏ, còn anh Nh phải đi làm kiếm tiền lo cho gia đình và nuôi con, do thu nhập không ổn định, không đáp ứng được nhu cầu thiết yếu gia đình, từ đó vợ chồng xảy ra cự cãi lời qua tiếng lại xúc phạm lẫn nhau, mâu thuẫn kéo dài không được giải quyết ngày càng trầm trọng. Từ đó năm 2016 chị N lên thành phố Hồ Chí Minh tìm việc làm và sinh sống, anh Nh thì về nhà cha mẹ ruột tại thành phố Trà Vinh từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay.

Qua xác minh tại địa phương được biết khoảng cuối năm 2018 anh Nh ít tới lui với chị N, hơn nữa tại bản khai ngày 29/8/2019 anh Nh đã thừa nhận quan hệ vợ chồng xảy ra nhiều vấn đề, nhiều lần chị N bỏ nhà lên Sài Gòn sinh sống anh đã thuyết phục, khuyên vợ nhiều lần, nhưng mâu thuẫn cứ lập đi lập lại trong khoảng thời gian dài không được giải quyết, vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay, đầu năm 2018 Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh cũng đã thụ lý giải quyết việc ly hôn của hai vợ chồng, ngày 29/3/2018 Tòa án cũng đã hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng đến nay quan hệ vợ chồng cũng không cải thiện, vì vậy có duy trì mối quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó việc chị N yêu cầu ly hôn với anh Nh là Phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Nguyễn Phan Hồng Ng, sinh ngày 05/10/2010, nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ, xét thấy sau khi ly hôn việc giao con chưa thành niên cho người nào nuôi dưỡng, giáo dục là nhằm mục đích giúp con chưa thành niên phát triển tốt cả về tinh thần lẫn thể chất, nguyên đơn có đủ điều kiện nuôi con và con chung hiện nay do chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng, để tránh làm xáo trộn cuộc sống, cũng như đảm bảo sự sinh hoạt, học tập bình thường của cháu, Hội đồng xét xử thấy cần giao con cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng xác nhận không có không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết

[5] Xét thấy ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là phù hợp với tính chất và nội dung vụ án.

[6] Về án phí: Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Nhung phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự
Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho chị Phan Thị Hồng N được ly hôn với anh Nguyễn Minh Nh.

2. Về nuôi con chung: giao con chung Nguyễn Phan Hồng Ng, sinh ngày 05/10/2010 cho chị Phan Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Minh Nh được quyền tới lui chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Chị Nhung các thành viên gia đình không được cản trở anh Nh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng xác nhận không có, không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết;

4. Về án phí: Chị Phan Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nên được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0004269, ngày 02/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 21/11/2019, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh.
- VKSND TPTV.
- THADS TPTV
- Nơi đăng ký kết hôn
- Các đương sự.
- Lưu VP, HS (...)

Huỳnh Kim Triều

